

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH
ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

THÁI NGUYÊN, 2017

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
MỞ ĐẦU.....	3
1. Giới thiệu về Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên.....	3
1.1. Thông tin chung về Nhà trường.....	3
1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường.....	3
1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Nhà trường.....	5
2. Yêu cầu xây dựng chiến lược phát triển Nhà trường.....	5
3. Mục đích xây dựng văn bản chiến lược của Trường.....	7
4. Giá trị sử dụng của văn bản chiến lược của Trường.....	7
PHẦN II PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ HIỆN TRẠNG NHÀ TRƯỜNG.....	9
2.1. Phân tích bối cảnh.....	9
2.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực.....	9
2.1.2. Bối cảnh trong nước.....	9
2.2. Thực trạng của Nhà trường.....	10
2.2.1. Công tác đào tạo.....	10
2.2.2. Công tác nghiên cứu khoa học.....	12
2.2.3. Công tác hợp tác quốc tế.....	13
2.2.4. Công tác phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu.....	14
2.2.5. Công tác phát triển cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu.....	14
2.2.6. Công tác kế hoạch tài chính.....	15
2.2.7. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục.....	16
2.2.8 Các công tác khác.....	17
2.3. Đánh giá chung.....	17
2.3.1. Điểm mạnh và vận hội.....	17
2.3.2. Tồn tại và thách thức.....	18
PHẦN III CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN 2030.....	20
3.1. Sứ mạng và tầm nhìn của Nhà Trường.....	20
3.2. Quan điểm và chiến lược phát triển Nhà trường.....	20
3.2.1. Quan điểm chủ đạo.....	20
3.2.2. Phương hướng phát triển của Nhà trường.....	20

3.3. Mục tiêu phát triển Nhà trường.....	21
3.3.1. <i>Mục tiêu tổng thể</i>	21
3.3.2. <i>Mục tiêu cụ thể</i>	21
3.4. Chiến lược phát triển công tác đào tạo.....	23
3.4.1. <i>Các mục tiêu của chiến lược</i>	23
3.4.2. <i>Các giải pháp của chiến lược</i>	24
3.5. Chiến lược phát triển công tác NCKH và Chuyển giao công nghệ.....	26
3.5.1. <i>Các mục tiêu của chiến lược</i>	26
3.5.2. <i>Các giải pháp của chiến lược</i>	27
3.6. Chiến lược phát triển hoạt động hợp tác quốc tế	28
3.6.1. <i>Các mục tiêu của chiến lược</i>	28
3.6.2. <i>Các giải pháp của chiến lược</i>	29
3.7. Chiến lược phát triển về tổ chức quản lý và phát triển đội ngũ.....	29
3.7.1. <i>Các mục tiêu của chiến lược</i>	29
3.7.2. <i>Các giải pháp của chiến lược</i>	30
3.8. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất.....	32
3.8.1. <i>Các mục tiêu của chiến lược</i>	32
3.8.2. <i>Các giải pháp của chiến lược</i>	33
3.9. Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính.....	33
3.9.1. <i>Các mục tiêu của chiến lược</i>	33
3.9.2. <i>Các giải pháp của chiến lược:</i>	34
3.10. Chiến lược phát triển công tác đảm bảo chất lượng giáo dục.....	34
3.10.1. <i>Các mục tiêu của chiến lược</i>	34
3.10.2. <i>Các giải pháp của chiến lược</i>	35
3.11. Chiến lược về người học.....	35
3.11.1. <i>Các mục tiêu của chiến lược</i>	35
3.11.2. <i>Các giải pháp của chiến lược</i>	36
PHẦN IV KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC	37
PHẦN V TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	44
PHỤ LỤC	45

PHẦN I

MỞ ĐẦU

1. Giới thiệu về Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên

1.1. Thông tin chung về Nhà trường

a. Tên trường

Tên Tiếng Việt: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên.

Tên Tiếng Anh: TNU, University of Economics and Business Administration (TUEBA).

b. Địa chỉ và thông tin liên hệ

Địa chỉ: Phường Tân Thịnh - Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Website: www.tueba.edu.vn;

Email: webmaster@tueba.edu.vn;

Số điện thoại: 0208.3647.685;

Fax: 0208.3647.684

c. Cơ quan chủ quản: Đại học Thái Nguyên

1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên (TUEBA) được thành lập theo Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập và tổ chức lại hai khoa: Khoa Kinh tế Nông nghiệp thuộc Trường Đại học Nông Lâm và Khoa Kinh tế Công nghiệp thuộc Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp nhằm sắp xếp và tổ chức lại các đơn vị đào tạo về kinh tế, quản trị kinh doanh và quản lý trong Đại học Thái Nguyên.

Cơ cấu tổ chức của Trường gồm Hội đồng trường, Ban Giám hiệu (Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng), 08 phòng chức năng, 07 Khoa chuyên môn, 05 Trung tâm, 01 Viện Nghiên cứu và các Tổ chức Đoàn thể. Tính đến tháng

12 năm 2016, tổng số cán bộ viên chức của Nhà trường là 492 người, trong đó có 345 giảng viên bao gồm 10 phó giáo sư, 35 tiến sĩ và 264 thạc sĩ.

Hiện nay, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh tổ chức đào tạo ở cả ba bậc: đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, với 02 chuyên ngành đào tạo bậc tiến sĩ, 03 chuyên ngành đào tạo bậc thạc sĩ và 7 ngành với 27 chương trình đào tạo bậc đại học. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức các chương trình liên kết đào tạo quốc tế với nhiều đối tác như Trung Quốc, Philipines, Hàn Quốc... Quy mô đào tạo tính đến tháng 12/ 2016 gồm có 52 nghiên cứu sinh, 710 học viên cao học và 6883 sinh viên đại học các hệ.

Trong những năm đầu thành lập, Nhà trường gặp nhiều khó khăn, từ thiếu thốn về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ giảng viên đến kinh nghiệm trong vận hành của một trường Đại học. Nhưng với hơn 10 năm phấn đấu nỗ lực không ngừng, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh đã đạt được nhiều tiến bộ, cơ sở vật chất được xây dựng khang trang và ổn định, đội ngũ cán bộ giảng viên không ngừng được nâng lên cả về chất lượng và số lượng, đáp ứng được yêu cầu phát triển đào tạo trong thời kỳ hội nhập; quy mô cũng như chất lượng đào tạo đều được tăng lên và đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Trong những năm qua, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh đã từng bước khẳng định được uy tín, tạo được vị thế vững chắc trong Đại học Thái Nguyên và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế, đạt được nhiều thành tích như quy mô đào tạo không ngừng tăng lên, nhất là đào tạo nguồn lực trình độ cao thạc sĩ, tiến sĩ; nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã được chuyển giao áp dụng có hiệu quả vào thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội; là điểm sáng trong hợp tác quốc tế của Đại học Thái Nguyên. Tuy nhiên, hiện nay cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu mở rộng quy mô đào tạo; hiệu quả và cơ chế quản lý nhà trường còn chưa đáp ứng kịp yêu cầu đổi mới quản lý và cải cách hành chính trong giáo dục; chất lượng dịch vụ đối với sinh viên và giảng viên còn nhiều điểm cần bổ sung, hoàn thiện. Để đáp

ứng được yêu cầu phát triển đào tạo trong thời kỳ hội nhập và đáp ứng nhu cầu xã hội, Nhà trường cần hoạch định chiến lược phát triển nhằm đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với tình hình mới, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Nhà trường

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh là Trường đại học công lập, trực thuộc Đại học Thái Nguyên. Trường có chức năng đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và trên đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, luật và quản lý nhằm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Nhiệm vụ chính của Nhà trường bao gồm:

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở các trình độ cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ về các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý và luật;
- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, các địa phương, các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội trong và ngoài nước.
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn, bồi dưỡng nhằm cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho các doanh nghiệp, cán bộ quản lý của các tổ chức kinh tế - xã hội và các địa phương;
- Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và triển khai các dự án phát triển Nhà trường.

2. Yêu cầu xây dựng chiến lược phát triển Nhà trường

Ngày nay, Việt Nam ngày càng coi trọng giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học, đặc biệt là hệ thống các trường Đại học, nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển nền kinh tế tri thức. Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định “*Giáo dục đào tạo cùng với Khoa học công nghệ*

là quốc sách hàng đầu”¹ để sáng tạo ra hệ thống giá trị hiện đại, mới mẻ, làm nguồn lực thúc đẩy và phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2013, Nghị quyết số 29-NQ/TW của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế đã xác định: “Hoàn thiện cơ chế hợp tác song phương và đa phương, thực hiện các cam kết quốc tế về giáo dục, đào tạo... Mở rộng liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín, chủ yếu trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp... Có cơ chế khuyến khích các tổ chức quản lý quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ ở Việt Nam. Tăng cường giao lưu văn hóa và học thuật quốc tế”². Những chỉ dẫn quan trọng này của Đảng là cơ sở thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Trong các văn kiện trình Đại hội XII, Đảng ta nhấn mạnh sự quan tâm đặc biệt và làm rõ hơn lập trường, quan điểm, tính nhất quán về sự cần thiết phải đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Kế thừa quan điểm chỉ đạo của nhiệm kỳ trước, Đảng ta đưa ra đường lối đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, xác định đây là một kế sách, quốc sách hàng đầu, tiêu điểm của sự phát triển, mang tính đột phá, khai mở con đường phát triển nguồn nhân lực Việt Nam trong thế kỷ XXI, khẳng định triết lý nhân sinh mới của nền giáo dục nước nhà “dạy người, dạy chữ, dạy nghề”.

Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam đến năm 2020 đã khẳng định các mục tiêu cơ bản: đào tạo theo hai hướng: “nghề nghiệp - ứng dụng và nghiên cứu - phát triển, thực hiện đào tạo theo tín chỉ, thực hiện kiểm định

¹ Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X

² Nghị quyết số 29/-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của BCH Trung Ương về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục-đào tạo

chất lượng giáo dục Đại học, tăng cường tính tự chủ của các trường Đại học, thỏa thuận công nhận bằng cấp với các nước trong khu vực và trên thế giới”.³

Là một trong những trường đại học thuộc Đại học Thái Nguyên - một đại học vùng của khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, Trường đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh cần khẳng định vai trò và nhiệm vụ của mình góp phần vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực, NCKH và chuyển giao công nghệ, thực hiện nhiệm vụ đổi mới giáo dục đại học và sau đại học cho đất nước. Để thực hiện thành công những nhiệm vụ chung của giáo dục đại học Việt Nam, tiếp tục duy trì và phát huy những thành tựu và khắc phục những nhược điểm, khó khăn hiện tại, hướng tới một trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh mang tầm cỡ quốc tế cả về quy mô và chất lượng giáo dục đại học cũng như NCKH; Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu và toàn thể cán bộ giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên cùng gia đình cũng như bạn bè và đối tác của Trường trong và ngoài nước khẳng định cần phải xây dựng và thực hiện thành công **“Chiến lược Phát triển Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”**.

3. Mục đích xây dựng văn bản chiến lược của Trường

Làm căn cứ để Nhà trường hoạch định các mục tiêu, các chương trình hành động và hệ thống giải pháp chiến lược để đạt được các mục tiêu đã định trong giai đoạn hội nhập sâu rộng, đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.

4. Giá trị sử dụng của văn bản chiến lược của Trường

- Làm định hướng chiến lược phát triển trong tương lai cho toàn bộ hoạt động của Nhà trường; làm cơ sở để xây dựng kế hoạch chiến lược cho từng mảng hoạt động cũng như làm cơ sở cho xây dựng các kế hoạch trung hạn và ngắn hạn;

- Làm cơ sở trong việc đổi mới đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và quản lý công tác đào tạo trong Nhà trường;

³ Đề án đổi mới giáo dục Đại học Việt Nam

- Làm cơ sở để giám sát, tổng kết đánh giá kết quả, điều chỉnh các hoạt động của Nhà trường và xây dựng các kế hoạch dự phòng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và giảm bớt rủi ro có thể xảy ra trong tương lai;
- Xác định các lĩnh vực ưu tiên cho từng giai đoạn phát triển của Nhà trường;
- Xây dựng và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị trong trường và giữa Nhà trường với các đơn vị bên ngoài trường.

PHẦN II

PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ HIỆN TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

2.1. Phân tích bối cảnh

2.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

- Xu thế toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đang diễn ra nhanh chóng, mạnh mẽ và sâu rộng; khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin đang làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt của các nước và thế giới; nhiều vấn đề lớn nảy sinh yêu cầu nhiều quốc gia cùng phối hợp để giải quyết;

- Nhiều tiềm năng được khai thác, phát huy lợi thế so sánh nhờ thu hút các nguồn lực to lớn từ bên ngoài. Tuy nhiên việc thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đó đòi hỏi phải có nguồn nhân lực trình độ và chất lượng cao. Đặc biệt là nguồn nhân lực trong các lĩnh vực kinh tế và quản lý;

- Giáo dục đại học có xu hướng quốc tế hóa ngày càng mạnh mẽ và đang trở thành một môi trường cạnh tranh cao. Quá trình này tạo ra nhiều cơ hội cho giáo dục đại học ở các nước đang phát triển tiếp cận nhanh với trình độ quốc tế, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức trong việc cạnh tranh thu hút người học, giảng viên, cán bộ quản lý giỏi,... đòi hỏi giáo dục đại học các nước phải nhanh chóng đổi mới mạnh mẽ từ hình thức đến nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu xã hội và đạt được những chuẩn mực chung về chất lượng giáo dục.

2.1.2. Bối cảnh trong nước

- Việt Nam đang thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong xu thế hòa nhập và toàn cầu hóa để đạt được mục tiêu đến năm 2020 trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại mang đặc trưng của nền kinh tế tri thức. Điều đó đòi hỏi ngày càng cao về nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ. Đây là điều kiện thuận lợi để các trường đại học phát triển quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội;

- Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ được Đảng và Nhà nước xác định là quốc sách hàng đầu. Nghị quyết số 29/NQ/TW về đổi mới

toàn diện, căn bản giáo dục đang được đặc biệt quan tâm của toàn Đảng, toàn dân. Ngành giáo dục, nhất là giáo dục đại học đang thực hiện mạnh mẽ về đổi mới hình thức, nội dung, chương trình đào tạo và phương pháp dạy - học là yếu tố quan trọng để các trường thay đổi diện mạo và chủ động hội nhập quốc tế;

- Đến năm 2020 sẽ có thêm nhiều trường đại học và cao đẳng tư thục, đại học quốc tế ra đời theo chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước. Sự xuất hiện ngày càng nhiều các cơ sở đào tạo đại học trong nước và đại học nước ngoài tại Việt Nam, sự cạnh tranh gay gắt giữa các cơ sở đào tạo kinh tế trong nước và trên địa bàn đòi hỏi các trường đại học phải thực sự quan tâm đến chất lượng và hiệu quả đào tạo.

2.2. Thực trạng của Nhà trường

2.2.1. Công tác đào tạo

Công tác đào tạo của Nhà trường trong giai đoạn 2011 – 2016 về cơ bản giữ được sự ổn định về quy mô; chất lượng đào tạo dần được khẳng định và đáp ứng được so với nhu cầu của xã hội. Hiện nay, Nhà trường tổ chức đào tạo cả ở bậc: đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Hiện tại trường đào tạo 7 ngành với 27 chuyên ngành đào tạo bậc đại học; 3 chuyên ngành bậc thạc sĩ và 2 chuyên ngành bậc tiến sĩ.

Về quy mô đào tạo, hệ đại học chính quy đến năm 2016 là 4116 sinh viên. Quy mô đào tạo hệ phi chính quy đạt 2767 sinh viên năm 2016. Số lượng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ bình quân đạt hơn 300 học viên năm, quy mô đào tạo thời điểm 2016 đạt 710 học viên. Bên cạnh đó, đào tạo bậc tiến sĩ của Nhà trường cũng không ngừng tăng qua các năm, tuyển sinh hàng năm bình quân đạt 7 nghiên cứu sinh, quy mô đào tạo tính đến năm 2016 là 52 NCS.

Công tác tuyển sinh đại học chính quy của Nhà trường trong những năm qua về cơ bản giữ ổn định với chỉ tiêu được giao 1500 sinh viên/năm.

Trong những năm qua, bậc đào tạo đại học, đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ của Nhà trường đều tăng trưởng ổn định qua các năm. Việc đào tạo sau đại học tăng trưởng khá bởi chất lượng đào tạo đã và đang khẳng định tại Thái

Nguyên và các tỉnh trong khu vực, hơn nữa nhu cầu về đào tạo nâng cao trình độ trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý ngày càng cao. Đây là cơ hội tốt để Nhà trường mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng, từ đó khẳng định được vị thế của mình trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao.

Ngoài đào tạo trong nước, Nhà trường cũng chú trọng đến việc liên kết đào tạo quốc tế và đào tạo cho sinh viên nước ngoài. Trong giai đoạn 2011 - 2016 Nhà trường đã triển khai 4 chuyên ngành đào tạo bậc đại học, 2 chuyên ngành bậc thạc sĩ, 2 chuyên ngành đào tạo bậc tiến sĩ. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng chú trọng đến việc đào tạo ngôn ngữ và đào tạo chuyên ngành cho sinh viên nước ngoài. Tính đến nay, quy mô đào tạo đạt 121 lưu học sinh. Việc mở rộng đào tạo sinh viên quốc tế vừa góp phần mở rộng thị trường, đồng thời cũng khẳng định chất lượng đào tạo, uy tín của Nhà trường trên trường quốc tế. Tuy nhiên, thị trường sinh viên quốc tế của Trường chủ yếu là sinh viên Trung Quốc học tiếng Việt và đào tạo chuyên môn cho sinh viên Lào. Do đó, mở rộng thị trường sẽ là yêu cầu cấp thiết đối với Nhà trường trong tương lai.

Cùng với việc ổn định quy mô đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo là con đường sống còn đối với Nhà trường. Trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh là đơn vị đi đầu trong Đại học Thái Nguyên về xây dựng và áp dụng chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ. Đây là hướng đi đúng đắn để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Việc áp dụng chuẩn đầu ra là phù hợp với xu thế để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng mạnh mẽ. Chuẩn đầu ra cho sinh viên đại học chính quy của nhà trường ngoài về chuyên môn, kỹ năng thì ngoại ngữ phải đạt chuẩn từ A2 trở lên, tin học đạt chứng chỉ IC3 hoặc MOS. Song song với áp dụng chuẩn đầu ra, hàng năm Nhà trường đều có những hoạt động phối hợp với các nhà tuyển dụng để đánh giá sinh viên, qua đó rút ngắn khoảng cách giữa sản phẩm đào tạo của Trường với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

2.2.2. Công tác nghiên cứu khoa học

Bên cạnh công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường. Nhà trường xác định nghiên cứu khoa học vừa góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, vừa đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong giai đoạn 2011 - 2016, Nhà trường đã chú trọng đến công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, thể hiện thông qua các mặt sau:

Thứ nhất, về số lượng đề tài triển khai. Trong giai đoạn 2011 - 2016 Nhà trường đã triển khai được 430 đề tài, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước (do Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia tài trợ), 03 đề tài cấp Bộ, 41 đề tài cấp ĐHTN, 320 đề tài cấp cơ sở, 182 đề tài NCKH sinh viên và 3 dự án nghiên cứu quốc tế do các tổ chức nước ngoài tài trợ. Bên cạnh đó các giảng viên của Nhà trường cũng tích cực tìm kiếm và triển khai các đề tài cấp tỉnh với 7 đề tài đã được phê duyệt, triển khai. Các đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh đã trở thành hoạt động nghiên cứu chuyển giao chính của Nhà trường, góp phần giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương.

Thứ hai, NCKH và công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành, tham gia các hội thảo khoa học là hoạt động được Nhà trường rất quan tâm và khuyến khích. Tính từ năm 2011 đến 2016, cán bộ, giảng viên của Trường đã đăng được 513 bài báo trên các tạp chí trong và ngoài nước (trong đó có 50 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế), 96 báo cáo khoa học đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, xuất bản được 38 giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo.

Thứ ba, về thực hiện kinh phí đầu tư cho nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ. Trong giai đoạn 2011 - 2016 tổng kinh phí cho hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường đạt 6,042 tỷ đồng. Trong đó kinh phí nghiên cứu khoa học đạt hơn 3,6 tỷ đồng; kinh phí hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ đạt hơn 2,4 tỷ đồng.

2.2.3. Công tác hợp tác quốc tế

Cùng với xu thế hội nhập toàn cầu, Nhà trường đã và đang mở rộng các hoạt động quan hệ quốc tế trong giáo dục, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật. Giai đoạn 2011 - 2016, công tác hợp tác quốc tế (HTQT) của Trường đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nhà trường đã ký kết được gần hơn 20 hợp đồng hợp tác với các trường đại học và tổ chức trên thế giới.

Trong giai đoạn 2011 - 2016, Nhà trường đã xác định liên kết đào tạo quốc tế là khâu đột phá trong phát triển HTQT. Đến nay, Nhà trường đã và đang thực hiện 7 chương trình liên kết đào tạo quốc tế gồm: 3 chương trình đại học, 2 chương trình thạc sĩ và 02 chương trình tiến sĩ. Tính đến hết năm 2016, số sinh viên, học viên theo học trong các chương trình liên kết đào tạo quốc tế hơn 550 người. Trong 5 năm qua, Nhà trường đã xây dựng và triển khai 03 dự án, phối hợp với các trường đại học trong nước, ngoài nước và các tổ chức quốc tế tổ chức được 10 hội thảo, tọa đàm quốc tế và đã tiếp đón 341 lượt khách quốc tế. Trong đó có 35 người tham gia giảng dạy, 4 người đến học tập, thực tập trao đổi, 44 người đến tham gia nghiên cứu khoa học, thực hiện dự án và 77 người đến dự hội thảo, tham quan, khảo sát cơ hội hợp tác. Trường đã tham gia xây dựng và triển khai các hợp phần của Đề án Ngoại ngữ 2020 tại Đại học Thái Nguyên, đã cử 26 lượt cán bộ đi tập huấn và học tập tại nước ngoài. Đến nay, Trường đã cử hơn 60 giảng viên trẻ đi học thạc sĩ và tiến sĩ nước ngoài.

Trong khuôn khổ hợp tác giữa trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – Đại học Thái Nguyên với Tổ chức Giáo dục Châu Á (ANHE), Nhà trường đã được tổ chức ANHE đầu tư một thư viện sách với gần 1000 đầu sách cùng hệ thống máy tính gồm 5 máy tính, 2 máy in và 2 điều hòa. Trong năm học 2013-2014, Đại học Sư phạm Vân Nam - Trung Quốc đã hỗ trợ đầu tư phòng máy thực hành Hán ngữ cho Trung tâm Hán ngữ TUEBA - YNNU với tổng kinh phí 100.000RMB (tương đương 340.000.000đ). Bên cạnh đó, đã trao 41 suất học bổng với tổng trị giá 12.300 USD và Đại sứ quán Hàn

Quốc đã trao 10 suất học bổng SAMSUNG với tổng trị giá 2.000 USD cho sinh viên Nhà trường.

2.2.4. Công tác phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu

Xác định con người là yếu tố có vai trò chủ đạo trong sự phát triển của Nhà trường, nên ngay từ khi mới thành lập, Đảng uỷ, Ban Giám hiệu đã tập trung chỉ đạo phát triển đội ngũ cả về chất lượng và số lượng. Trong đó, Nhà trường đã có nhiều giải pháp, hỗ trợ nhằm đẩy nhanh việc đào tạo đội ngũ giảng viên có trình độ cao. Có thể nói, tính tới thời điểm hiện tại, Nhà trường đã cơ bản hoàn thành chương trình thạc sĩ hoá và tiến tới thực hiện tiến sĩ hoá đội ngũ giảng viên.

Tính đến thời điểm hiện nay, đội ngũ cán bộ viên chức của Nhà trường có 492 người, trong đó 10 phó giáo sư, gần 40 tiến sĩ. Trong giai đoạn 2011 - 2016, Nhà trường đã cử đi được 180 cán bộ giảng viên đi học thạc sĩ, bình quân mỗi năm cử được 36 người đi học; cử được 97 người đi học tiến sĩ, bình quân mỗi năm cử gần 20 người. Ngoài trình độ chuyên môn, Nhà trường còn chú trọng đến việc chuẩn hoá đội ngũ giảng viên cả về ngoại ngữ và tin học. Tính đến nay đã có trên 80% giảng viên đạt chuẩn về ngoại ngữ và gần 100% đạt chuẩn về tin học IC3.

2.2.5. Công tác phát triển cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

Khi mới được thành lập, Nhà trường được Đại học Thái Nguyên bố trí tại cơ sở thuộc khuôn viên Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp với hạ tầng nghèo nàn, thiếu thốn.

Đến năm 2013, Nhà trường đã chính thức chuyển toàn bộ hoạt động quản lý và giảng dạy lên cơ sở mới tại vị trí hiện nay, phường Tân Thịnh - Thành phố Thái Nguyên. Tại cơ sở mới này, Nhà trường được quy hoạch 21,47 ha, nhưng tính đến thời điểm hiện tại mới giải phóng mặt bằng được hơn 4,5ha.

Với mục tiêu đặt ra cho Nhà trường là đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất tại khuôn viên mới để ổn định mọi hoạt động của trường. Các hạng mục công trình đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng cụ thể như sau:

Tháng 9/2012 đưa vào sử dụng giảng đường GK2 có 20 phòng học với diện tích xây dựng là 4.825 m². Đến nay, Nhà trường có 42 phòng học với tổng diện tích là 10.548 m², diện tích bình quân là 2,08 m²/sinh viên. Qua đó đáp ứng đủ số lượng phòng học cho các hệ đào tạo của Nhà trường. Đồng thời, Nhà trường đã từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất như đường trục chính của trường, sân vườn giảng đường GK1, GK2, sân vườn nhà làm việc và nghiên cứu; đường bê tông; cổng, hàng rào bê tông trước nhà làm việc và nghiên cứu...

Đầu tư và lắp đặt mới các trang thiết bị cho phòng học Tiếng, lớp học chất lượng cao, phòng thực hành máy tính... Đến nay, đã có 338 bộ máy tính của nhà trường đã được nối mạng internet đạt 100%. Nhà trường cũng đã đầu tư mua sắm cho tất cả các phòng học có đủ thiết bị, hệ thống âm trang, máy chiếu phục vụ giảng dạy và học tập.

Nhà trường được sử dụng chung hệ thống cơ sở vật chất của Đại học Thái Nguyên như Trung tâm Học liệu, các hội trường, công trình thể thao - văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản của cán bộ, sinh viên. Bên cạnh đó, Nhà trường có 4 nhà ký túc xá 5 tầng với quy mô 180 phòng đảm bảo điều kiện nội trú cho sinh viên và lưu học sinh quốc tế.

2.2.6. Công tác kế hoạch tài chính

Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh là đơn vị dự toán cấp III trực thuộc Đại học Thái Nguyên. Nguồn thu của Trường rất đa dạng, từ nhiều nguồn khác nhau bao gồm NSNN cấp, thu học phí, lệ phí và thu khác.

Trong những năm qua, nguồn kinh phí NSNN cấp chiếm tỷ trọng bình quân từ 12% - 20% tổng thu của Trường, 80% - 88% tổng thu là nguồn thu học phí, lệ phí và thu khác. Chính vì vậy, Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch và giải pháp để chủ động về tài chính nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu

kinh phí cho các hoạt động của trường như: đa dạng hóa các loại hình đào tạo; đẩy mạnh liên kết đào tạo hệ đại học VLVH; thực hiện liên kết đào tạo quốc tế với các trường đại học ở nước ngoài; mở rộng dịch vụ đào tạo các lớp ngắn hạn; tăng cường liên kết thực hiện các đề tài NCKH với các địa phương; thực hiện triệt để tiết kiệm chi v.v... Nguồn tài chính của Trường nhờ đó tương đối ổn định và phục vụ đắc lực cho các hoạt động đào tạo, NCKH, đầu tư phát triển và các hoạt động khác.

Hàng năm, cơ cấu các khoản chi của Trường luôn đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả, bao gồm chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học (2% - 7%), hoạt động đào tạo đại học (73% - 78%), hoạt động đào tạo sau đại học (6% - 12%), hoạt động đào tạo liên kết quốc tế (4% - 9%) và hoạt động khác (3% - 5%). Các nội dung chi trong từng hoạt động được phân bổ cho các nội dung bao gồm các khoản chi cho con người, chi chuyên môn nghiệp vụ, chi mua sắm, sửa chữa TSCĐ, chi khác với tỷ lệ tương xứng với nguồn tài chính của Trường.

Nhà trường luôn thực hiện tốt các quy định, chế độ, chính sách về tài chính của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Thái Nguyên. Hàng năm, Nhà trường thực hiện rà soát, điều chỉnh và bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường. Nhờ vậy, công tác quản lý tài chính của Trường đã đi vào nề nếp, chủ động và tích cực; nguồn tài chính của Trường đã được khai thác, sử dụng một cách hợp pháp, công khai và minh bạch.

2.2.7. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá cơ sở đào tạo và các Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo.

Năm 2011, Nhà trường đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá cơ sở đào tạo và được Đại học Thái Nguyên đánh giá đồng cấp. Đến nay, báo cáo tự đánh giá cơ sở đào tạo của Nhà trường đã nhiều lần được cập nhật, bổ sung và điều chỉnh. Căn cứ các kết quả tự đánh giá, Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động.

Tính đến tháng 12/2015, Nhà trường đã hoàn thành tự đánh giá 04 chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn của Giám đốc ĐHTN ban hành, gồm các chương trình Quản trị Kinh doanh Tổng hợp, Quản trị Doanh nghiệp, Kinh tế Đầu tư và Kế toán Tổng hợp, trong đó, chương trình đào tạo Quản trị Kinh doanh Tổng hợp đã được ĐHTN đánh giá đồng cấp. Kết thúc hoạt động tự đánh giá, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các kế hoạch để cải tiến và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo này. Hiện nay, Nhà trường đang tiếp tục tiến hành tự đánh giá 06 chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, gồm các chương trình đào tạo Quản lý Kinh tế, Tài chính Doanh nghiệp, Quản trị Marketing, Kinh tế Nông nghiệp và PTNT, Kế toán Doanh nghiệp và Quản trị Kinh doanh Tổng hợp.

2.2.8 Các công tác khác

Ngoài các yếu tố kể trên, Nhà trường còn chú trọng đến các mặt khác nhằm đưa Trường phát triển một cách toàn diện. Công tác quản lý sinh viên luôn được thực hiện tốt, nhất là các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, công tác quản lý, chăm sóc đời sống của sinh viên; thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để thực hiện các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm...

Các công tác Đảng, Đoàn thể đều được Đảng uỷ và Nhà trường chú trọng triển khai thực hiện một cách đồng bộ. Công tác Công đoàn đã góp phần nâng cao đời sống cả về vật chất lẫn tinh thần cho cán bộ công chức và người lao động; công tác Đoàn thanh niên đã thực sự trở thành lá cờ đầu trong việc tập hợp đoàn viên thanh niên, là chỗ dựa và là nơi thúc đẩy sự phát triển của đoàn viên thanh niên nói chung và của sinh viên nói riêng...

2.3. Đánh giá chung

2.3.1. Điểm mạnh và vận hội

(1) Là thành viên của Đại học Thái Nguyên, một trong 3 trung tâm đào tạo lớn nhất cả nước, do đó Nhà trường có nhiều lợi thế trong các hoạt động đào tạo,

nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ giảng viên. Bên cạnh đó, nhà trường đã từng bước khẳng định được thương hiệu trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, nhất là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao;

(2) Đội ngũ cán bộ giảng viên của Nhà trường trẻ, năng động, được đào tạo bài bản, chất lượng cao phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế. Đội ngũ giảng viên của Nhà trường tích cực, sáng tạo trong công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, qua đó góp phần khẳng định thương hiệu của Nhà trường;

(3) Cơ sở vật chất được đầu tư đồng bộ, phù hợp với xu thế phát triển của khoa học và ứng dụng công nghệ vào đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao;

(4) Thái Nguyên là tỉnh trung tâm của khu vực Đông bắc Bộ đang trong quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ, do đó nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc lĩnh vực hoạt động của Nhà trường ngày càng lớn, đây là cơ hội để mở rộng phát triển đào tạo cả về chất lượng và số lượng;

(5) Công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, các nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư vào Thái Nguyên và các tỉnh trong khu vực ngày càng nhiều, điều đó làm cho chất lượng nền kinh tế được nâng cao, các nhà tuyển dụng có xu hướng coi trọng về chất lượng nguồn lực, đây là cơ hội để Nhà trường đi tắt đón đầu, đưa Nhà trường trở thành trung tâm đào tạo có uy tín trong cả nước thông qua việc cung cấp các sản phẩm chất lượng đào tạo của mình.

2.3.2. Tồn tại và thách thức

(1) Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục vừa tạo cơ hội nhưng đồng thời cũng là thách thức khi cạnh tranh trong lĩnh vực giáo dục ngày càng khốc liệt;

(2) Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu lao động nghề và lao động phổ thông tăng cao đã làm giảm nguồn tuyển sinh cho đào tạo bậc đại học nói chung và Nhà trường nói riêng;

(3) Đội ngũ cán bộ giảng viên trẻ chiếm số lượng lớn đòi hỏi Nhà trường phải dồn nhiều nguồn lực cho đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ;

(4) Dưới áp lực của xã hội đòi hỏi Nhà trường phải không ngừng đổi mới, sáng tạo để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của mình nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhà tuyển dụng;

(5) Công tác đào tạo phải gắn với nghiên cứu và chuyển giao công nghệ đòi hỏi Nhà trường phải tích cực hơn, chủ động hơn, phải có chiến lược dài hạn về nâng cao chất lượng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, gắn đào tạo với công tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

PHẦN III

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN 2030

3.1. Sứ mạng và tầm nhìn của Nhà Trường

Nhà Trường có sứ mạng là: “Đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học với chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội đất nước, nhất là ở khu vực Miền núi và Trung du Bắc bộ”.

Về tầm nhìn, đến năm 2030, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh là trường Đại học định hướng ứng dụng trong các lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý và luật có uy tín, thương hiệu và chất lượng, nhiều mặt ngang tầm với các trường đại học hàng đầu trong cả nước và trong khu vực Đông Nam Á.

3.2. Quan điểm và chiến lược phát triển Nhà trường

3.2.1. Quan điểm chủ đạo

Nâng cao chất lượng đào tạo các hệ nhằm đảm bảo đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ cao của xã hội và các nhà tuyển dụng trong và ngoài nước, gắn quá trình vừa đào tạo vừa thực hành cho sinh viên; tập trung nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng và chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân, các địa phương; phát triển hợp tác quốc tế theo hướng áp dụng những tinh hoa của giáo dục thế giới vào tình hình thực tế của Nhà trường... là hướng đi chủ đạo trong việc xây dựng và phát triển Nhà trường một cách ổn định và vững chắc.

3.2.2. Phương hướng phát triển của Nhà trường

a) Phát triển Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục & đào tạo, khoa học và công nghệ;

b) Xây dựng Nhà trường theo định hướng ứng dụng, vừa là mục tiêu vừa là động lực để Nhà trường huy động các nguồn lực, phát triển đội ngũ cán bộ, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước;

c) Phát huy sức mạnh tổng hợp từ mọi nguồn lực trong trường, phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo của các thể hệ cán bộ giảng viên Nhà trường; phát huy tính năng động, tự giác của người học; huy động sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội vào hoạt động đào tạo của Nhà trường... để từ đó xây dựng được hình ảnh TUEBA uy tín, ngang tầm với các trường đại học hàng đầu trong cả nước và khu vực ASEAN;

d) Phát triển toàn diện và bền vững, áp dụng các giải pháp mang tính đột phá, ưu tiên phát triển nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng và chuyển giao; phát triển một số ngành trọng điểm mang thương hiệu của Nhà trường.

3.3. Mục tiêu phát triển Nhà trường

3.3.1. Mục tiêu tổng thể

Xây dựng Trường đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh trở thành Trường đại học uy tín trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ trong khu vực; Một số lĩnh vực sánh ngang với các Trường đại học hàng đầu trong cả nước và khu vực ASEAN có cùng lĩnh vực hoạt động.

3.3.2. Mục tiêu cụ thể

a) Xây dựng môi trường đào tạo thân thiện, lấy người học làm trung tâm, chú trọng đến chất lượng đào tạo; xây dựng và phát huy các mối quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, nhất là cộng đồng doanh nghiệp làm nền tảng cho hình thức đào tạo lý thuyết kết hợp với thực tiễn;

b) Đảm bảo kiến thức, chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng, từng bước đáp ứng được nhu cầu trong hội nhập lao động thuộc khu vực ASEAN;

c) Các công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao, được áp dụng vào thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, làm nền tảng cho công tác đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao của Nhà trường;

d) Đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, cập nhật được kiến thức tiên tiến trên thế giới, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của nền kinh tế Việt Nam;

e) Xây dựng cơ bản hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong bối cảnh nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động hội nhập quốc tế;

f) Sắp xếp lại bộ máy và nhân sự theo hướng gọn nhẹ, năng động, phát huy được tinh thần làm chủ, tự giác, năng động sáng tạo của đội ngũ cán bộ giảng viên trong Nhà trường;

g) Hoàn thiện cơ chế quản lý nhằm phát huy tinh thần đoàn kết trong Nhà trường, huy động sự tham gia chủ động, tích cực của đội ngũ giảng viên, cán bộ phục vụ đào tạo vào sự nghiệp phát triển chung của Nhà trường;

h) Các nguồn lực tài chính được phát triển theo hướng đa dạng hóa và bền vững, hiệu quả thông qua tăng cường, mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, khai thác các hình thức huy động mới theo cơ chế mới, đặc thù; Tăng quy mô các nguồn thu của Trường, tiến tới đạt được sự tự chủ về tài chính của trường đại học, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho Trường; Huy động mọi nguồn lực tạo nguồn tài chính đủ để đảm bảo chủ động thực hiện các dự án phát triển Nhà trường;

i) Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị trong trường, xây dựng môi trường làm việc, học tập dân chủ, kỷ cương, văn minh, hiện đại thu hút được các chuyên gia trong nước và quốc tế.

3.4. Chiến lược phát triển công tác đào tạo

3.4.1. Các mục tiêu của chiến lược

Phát triển công tác đào tạo hướng đến chất lượng và phục vụ nhu cầu thị trường lao động. Mục tiêu phát triển đào tạo của Nhà trường trong giai đoạn tới là hướng vào phát triển ổn định về quy mô, tập trung nâng cao chất lượng cả về chuyên môn và kỹ năng nhằm đáp ứng được nhu cầu lao động trình độ cao của xã hội.

Thứ nhất, điều chỉnh linh hoạt các chương trình đào tạo hiện có theo hướng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của xã hội. Phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế và khu vực ASEAN, trong đó chú trọng cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, trình độ tin học và ngoại ngữ. Mỗi khoa chuyên môn xác định ít nhất 01 chuyên ngành mũi nhọn để xây dựng thành chương trình đào tạo chất lượng cao; chú trọng nhập khẩu các chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài;

Thứ hai, nâng cao chất lượng đào tạo của sinh viên, học viên các hệ. Sinh viên, học viên tốt nghiệp ra trường có đủ năng lực, kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và ngoại ngữ để có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu và làm việc trong các doanh nghiệp trong và nước ngoài;

Thứ ba, giữ ổn định quy mô đào tạo, phấn đấu quy mô tuyển sinh hệ đại học đạt bình quân 1500 sinh viên/ năm; hệ thạc sĩ 400 - 450 học viên/năm; hệ tiến sĩ 20 - 30 nghiên cứu sinh/năm. Chú trọng phát triển các hệ liên kết đào tạo quốc tế, đào tạo sinh viên người nước ngoài, mở rộng thị trường tuyển sinh đào tạo quốc tế.

Thứ tư, phát triển thêm 1 - 2 chương trình đào tạo bậc thạc sĩ thuộc thế mạnh của Nhà trường, mở thêm 1 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ. Các chương trình đào tạo thạc sĩ theo hướng cả về nghiên cứu và ứng dụng.

- Thứ năm, phát triển nguồn học liệu, nhất là phát triển học liệu E-learning phục vụ công tác giảng dạy và học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

3.4.2. Các giải pháp của chiến lược

- *Cơ cấu lại các chuyên ngành đào tạo, hướng đến phát triển các chuyên ngành chất lượng cao trên cơ sở đào tạo lý thuyết gắn với thực hành*

Tiến hành rà soát lại các chương trình đào tạo trong Nhà trường, sắp xếp, kết hợp các chương trình đào tạo hẹp thành các ngành có độ mở nhằm tạo điều kiện việc làm cho người học. Dự báo nhu cầu về đào tạo đến năm 2030 từ đó mỗi khoa chuyên môn cần xác định chuyên ngành mũi nhọn để xây dựng thành chương trình đào tạo chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực và hội nhập quốc tế. Định kỳ phối hợp với nhà tuyển dụng, cựu sinh viên để đánh giá chuyên ngành đào tạo, từ đó có những điều chỉnh cần thiết phù hợp với định hướng nghề nghiệp của nhà tuyển dụng.

- *Nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Nhà tuyển dụng*

Phối hợp với các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên định kỳ rà soát, đánh giá lại và đổi mới các chương trình đào tạo, nội dung, phương pháp giảng dạy... để xây dựng chương trình đào tạo tiếp cận định hướng nghề nghiệp để vừa đáp ứng được nhu cầu của xã hội, thu hẹp khoảng cách giữa sản phẩm đào tạo của Nhà trường với yêu cầu thực tiễn của nhà tuyển dụng, qua đó góp phần nâng cao giải quyết việc làm cho sinh viên..

Đổi mới nội dung giảng dạy các môn học thuộc các chương trình đào tạo hiện có theo hướng giảm khối lượng giờ giảng lý thuyết, tăng lượng kiến thức thực hành, thực tập. Kết hợp với các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội để đưa phần thực hành thực tập vào quá trình giảng dạy của Nhà trường, tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội được thực tế tại các cơ quan, tổ chức xã hội và các doanh nghiệp.

Đổi mới, cập nhật hệ thống giáo trình giảng dạy, xây dựng đưa vào ứng dụng 30% môn học có bài giảng điện tử E - Learning. Đổi mới phương pháp tổ chức đào tạo, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả học tập. Tăng tỷ lệ học phần thi trắc nghiệm, trắc nghiệm trên máy tính, từng bước sử dụng phần mềm chống đạo văn vào kiểm tra khoá luận, luận văn, luận án...

Xây dựng hệ thống thư viện điện tử, tạo điều kiện tốt nhất cho người học tiếp cận với nguồn học liệu. Thực hiện liên kết thư viện điện tử giữa thư viện của trường với thư viện của các trường đại học khác trong và ngoài nước có cùng lĩnh vực đào tạo. Tăng đầu tư trang thiết bị cho thư viện của Nhà trường, nhất là trang bị cho hệ thống phòng đọc, nhằm giúp cho người học thuận lợi hơn trong việc tra cứu, học tập. Từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện, thu hút người học sử dụng dịch vụ thư viện.

Tăng cường chất lượng hoạt động khảo thí, đảm bảo chất lượng trong trường, tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên.

Thực hiện kiểm định chất lượng trường đại học và các chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng tính chủ động, trách nhiệm của người học, trách nhiệm của giảng viên.

- Thực hiện tốt hoạt động hướng nghiệp cho học sinh cấp ba từ đó tạo nguồn tuyển sinh cho Nhà trường

Nhà trường cần xác định rõ địa bàn, vùng miền tiềm năng để từ đó thực hiện phối hợp với các trường PTTH trong vùng thị trường để thực hiện tốt vai trò hướng nghiệp vừa nhằm thực hiện sứ mệnh chính trị của Trường, đồng thời tạo dựng vùng tuyển sinh vững chắc của mình. Để thực hiện vấn đề này, Nhà trường cần phát huy vai trò của Trung tâm tuyển sinh, các khoa chuyên môn trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ hướng nghiệp kết hợp với tuyển sinh.

3.5. Chiến lược phát triển công tác NCKH và Chuyển giao công nghệ

3.5.1. Các mục tiêu của chiến lược

Hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ là công cụ để Nhà trường nâng cao vị thế và thương hiệu trong tương lai. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phải hướng đến tính ứng dụng và hiệu quả. Các chỉ tiêu về hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong giai đoạn thực hiện chiến lược cụ thể như sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học; mở rộng các loại hình nghiên cứu, ưu tiên các nghiên cứu có yếu tố chuyển giao và ứng dụng có hiệu quả vào trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội của đất nước; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 triển khai được ít nhất 1 đề tài cấp nhà nước; 7 đề tài cấp bộ, 49 đề tài cấp ĐHTN và 750 đề tài cấp cơ sở;

Thứ hai, đẩy mạnh việc nghiên cứu và công bố các công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước. Phấn đấu hàng năm công bố được bình quân 150 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và 15 bài báo trên các tạp chí nước ngoài;

Thứ ba, tìm kiếm các nguồn kinh phí trong và ngoài nước để triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Triển khai được ít nhất 01 dự án nghiên cứu khoa học có hợp tác quốc tế.;

Thứ tư, từng bước xây dựng và nâng cao chất lượng tạp chí khoa học Kinh tế & Quản trị kinh doanh của Nhà trường, phấn đấu trở thành tạp chí khoa học có uy tín trong nước, thu hút được nhiều nhà khoa học trong và ngoài trường công bố công trình nghiên cứu.

Thứ năm, phấn đấu xây dựng thương hiệu Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh trong lĩnh vực nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ.

3.5.2. Các giải pháp của chiến lược

Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Từng bước tăng cường quản lý công tác khoa học - công nghệ của Nhà trường theo hướng đặt hàng có sản phẩm đầu ra rõ ràng.

Kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ đi đôi với thực hiện nhiệm vụ chung của Nhà trường.

Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học với các đơn vị ngoài trường, trong nước và quốc tế; phối hợp giữa các đơn vị và giữa các cá nhân trong Trường, từ đó hình thành lên các nhóm chuyên gia nghiên cứu về từng lĩnh vực cụ thể. Nâng cao chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học, chú trọng những sản phẩm nghiên cứu chuyển giao cho các đối tác, để từ đó xây dựng thương hiệu nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Phát huy vai trò của Viện Nghiên cứu Kinh tế Xanh, các trung tâm nghiên cứu, lấy đó là nơi sinh hoạt chuyên môn của các nhà khoa học trong trường. Hình thành nên các nhóm chuyên gia về các lĩnh vực nghiên cứu cụ thể để làm nòng cốt trong hoạt động nghiên cứu và chuyển giao.

Xây dựng Tạp chí Kinh tế & Quản trị Kinh doanh thực sự có chất lượng để tăng uy tín trong lĩnh vực hoạt động của Nhà trường. Gắn việc xuất bản tạp chí với các chương trình nghiên cứu cụ thể theo chủ đề, phối hợp với các đơn vị tiếp nhận chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học để công bố trên tạp chí.

Định kỳ và thường xuyên tổ chức các hội nghị khoa học, các hội thảo chuyên đề, tổ chức các buổi thuyết giảng của các chuyên gia hàng đầu trong nước và quốc tế về lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý. Gắn nội dung sinh hoạt chuyên môn của giảng viên trẻ, của sinh viên và học viên cao học với các buổi thuyết giảng của chuyên gia.

3.6. Chiến lược phát triển hoạt động hợp tác quốc tế

3.6.1. Các mục tiêu của chiến lược

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực, trong đó tập trung vào phát triển chất lượng đội ngũ giảng viên; mở rộng hợp tác đào tạo quốc tế... nhằm đưa Nhà trường tham gia sâu rộng vào quá trình hội nhập quốc tế. Mục tiêu về hợp tác quốc tế cụ thể như sau:

Thứ nhất, duy trì và nâng cao hiệu quả hợp tác với các đối tác truyền thống, mở rộng hợp tác với các đối tác mới, ưu tiên các đối tác đến từ các nước có nền giáo dục phát triển tiên tiến nhằm tận dụng được những kinh nghiệm quý báu vào sự phát triển của Nhà trường;

Thứ hai, đẩy mạnh công tác tuyển sinh quốc tế ở tất cả các hệ do nhà trường cấp bằng; xây dựng và thực hiện các chương trình liên kết đào tạo quốc tế cả đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ưu tiên hợp tác đào tạo với các đối tác ở các nước có trình độ giáo dục đại học tiên tiến;

Thứ ba, tìm kiếm đối tác để xây dựng chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên; phấn đấu hàng năm đều cử giảng viên, sinh viên của nhà trường đi học tập, tham quan tại nước ngoài và tiếp nhận sinh viên quốc tế đến thực tập tại trường;

Thứ tư, tìm kiếm đối tác để xây dựng các chương trình tiên tiến nhập khẩu của nước ngoài. Đến năm 2030 nhập khẩu được ít nhất 3 chương trình tiên tiến ở bậc đại học và sau đại học;

Thứ năm, hàng năm tổ chức được bình quân 2 - 4 Hội nghị, hội thảo khoa học có yếu tố nước ngoài, phối hợp với đối tác để xuất bản Kỷ yếu Hội thảo khoa học tại nước ngoài, nhằm từng bước nâng cao chất lượng nghiên cứu của Nhà trường;

Thứ sáu, tiếp tục mở rộng quan hệ với các đối tác nước ngoài, tìm kiếm các dự án về nghiên cứu khoa học phù hợp với nguồn lực của Nhà trường và nhu cầu của các đối tác nước ngoài. Đến năm 2030 có ít nhất 8 dự án nghiên cứu với đối tác nước ngoài.

3.6.2. Các giải pháp của chiến lược

Đổi mới tổ chức, tăng cường chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế. Tham gia được vào hệ thống mạng lưới các trường đại học trong khu vực ASEAN, thu hút được nhiều dự án hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu, du học và thực tập nghề nghiệp. Phát triển đa dạng hoá loại hình và đa phương hoá đối tác phát triển hợp tác quốc tế. Tập trung vào một số loại hình như: hợp tác trong nghiên cứu và chuyển giao, hợp tác trong hoạt động đào tạo, hợp tác trong tư vấn du học, thực tập nghề nghiệp và tư vấn việc làm... Tăng cường tự chủ cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế. Xây dựng cơ chế quản lý về hợp tác quốc tế, phân định rạch ròi chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm giữa đơn vị quản lý Nhà nước về hợp tác quốc tế với các trung tâm, viện thực hiện nhiệm vụ về hợp tác quốc tế.

Tăng cường cử giảng viên, cán bộ quản lý tham gia các chương trình đào tạo nâng cao trình độ, tham gia các hoạt động hội nghị, hội thảo, tập huấn... tại nước ngoài. Xây dựng và triển khai có hiệu quả các chương trình trao đổi sinh viên quốc tế và tuyển sinh sinh viên quốc tế học tập các chương trình do Trường đào tạo và cấp bằng.

3.7. Chiến lược phát triển về tổ chức quản lý và phát triển đội ngũ

3.7.1. Các mục tiêu của chiến lược

Xây dựng cơ cấu tổ chức và hệ thống quản lý gọn nhẹ, hiệu quả, khoa học; xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học chất lượng cao, mang tầm chiến lược sẽ là cơ sở để Nhà trường phát triển nhanh chóng và bền vững, đáp ứng được yêu cầu của xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng. Mục tiêu chiến lược về tổ chức quản lý và phát triển đội ngũ cụ thể như sau:

Thứ nhất, xây dựng cơ cấu tổ chức của Nhà trường theo hướng tinh gọn và có tính trách nhiệm cao. Phát triển hệ thống tổ chức của Nhà trường theo 3 khối:

(1) Khôi các đơn vị đào tạo đủ về số lượng, cân đối về ngành nghề, chuyên nghiệp hoá trong quản lý nhằm nâng cao chất lượng đào tạo;

(2) Khôi phục vụ đào tạo được tổ chức tinh gọn, chuyên nghiệp và từng bước xã hội hoá các hoạt động phục vụ đào tạo và nghiên cứu;

(3) khôi nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, chuyên nghiệp hoá hoạt động của Viện Nghiên cứu Kinh tế Xanh và các Trung tâm có chức năng nghiên cứu của Trường và Viện, lấy đó làm nòng cốt để triển khai các dịch vụ nghiên cứu đáp ứng nhu cầu của thị trường;

Thứ hai, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên: thực hiện cơ cấu lại đội ngũ cán bộ giảng viên và cán bộ phục vụ đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển đào tạo của Nhà trường trong từng giai đoạn; xây dựng quy hoạch về đào tạo phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao phù hợp với định hướng phát triển đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường, chú trọng phát triển nguồn nhân lực hướng vào các chuyên ngành chất lượng cao; xây dựng và phát triển đội ngũ nghiên cứu viên lấy nguồn từ đội ngũ giảng viên của Nhà trường nhằm đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

Thứ ba, về phát triển đội ngũ giảng viên trình độ cao, phấn đấu đến năm 2020 đạt 100% giảng viên đủ trình độ sau đại học và đạt định mức tiêu chuẩn 19 - 20 sinh viên/ 1 giảng viên. Trong đó, giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư đạt 5% trên tổng số giảng viên; giảng viên có trình độ từ tiến sĩ trở lên đạt mức 35%; 100% cán bộ, giảng viên của Nhà trường đều đạt chuẩn về tin học và ngoại ngữ. Số giảng viên tốt nghiệp tiến sĩ bình quân đạt 25 người/năm.

3.7.2. Các giải pháp của chiến lược

- Đổi mới quản trị Nhà trường theo hướng tự chủ

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Hội đồng trường, Ban Giám hiệu và các đơn vị nhằm tạo dựng sự chủ động, năng động và sáng tạo của các đơn vị, đoàn thể trong Nhà trường nhằm đẩy mạnh các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng trong cán bộ viên chức, học sinh sinh viên hiểu rõ được sứ mạng và tầm nhìn

cũng như những vận hội và thách thức trong quá trình phát triển để từ đó xây dựng được khối sức mạnh đoàn kết chung cho phát triển Nhà trường.

Đổi mới công tác quản lý Nhà trường, xây dựng các quy chế hoạt động, quy trình quản lý, hình thành và xây dựng văn hoá Nhà trường, văn hoá chất lượng, văn hoá chuyên nghiệp trong mọi mặt hoạt động, từ đó tạo dựng được môi trường giáo dục thân thiện với người học và với chính đội ngũ cán bộ giảng viên. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý của Nhà trường.

Xây dựng bộ máy quản lý Nhà trường theo hướng tinh gọn, hợp lý giữa các bộ phận, các cấp và phù hợp với mục tiêu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Xây dựng chiến lược phát triển bộ máy tổ chức theo hướng điều chỉnh linh hoạt, tinh giảm, gọn nhẹ và hiệu quả.

Thực hiện phân quyền cho các đơn vị trong Trường theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhân sự và tài chính. Nâng cao vai trò của các chuyên gia đầu ngành như giáo sư, phó giáo sư, các trưởng bộ môn. Hình thành các nhóm nhà khoa học chuyên ngành và liên ngành để giải quyết các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng hệ thống tiêu chí giám sát hiệu quả hoạt động của các đơn vị và cá nhân đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng giữa các tổ chức và cá nhân.

- Phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học chất lượng cao

Phát triển đội ngũ giảng dạy chất lượng cao là giải pháp cơ bản nhằm nâng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và thương hiệu của Nhà trường. Quy hoạch đội ngũ cán bộ theo đề án vị trí việc làm và nhu cầu phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Quy hoạch lại công tác đào tạo phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên phù hợp với phát triển các ngành đào tạo của Nhà trường, hướng đến xây dựng các chương trình đào tạo chất lượng cao. Xây dựng và thực hiện chính sách ưu tiên cử giảng viên trẻ đi học tập và nghiên cứu tại nước ngoài, cử đi đào tạo nâng

cao trình độ về ngoại ngữ; công bố các công trình nghiên cứu khoa học, tham dự các chương trình tập huấn, hội nghị, hội thảo cấp quốc gia và quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên của Nhà trường để xây dựng khối đoàn kết, phát huy sức mạnh tổng hợp của Trường;

- Thực hiện tốt nhiệm vụ thanh kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của Nhà trường để đưa hoạt động vào nề nếp;

- Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội sinh viên... trong việc nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, giảng viên và sinh viên; đóng góp vào hoạt động quảng bá hình ảnh, nâng cao thương hiệu của Nhà trường;

- Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong Nhà trường; xây dựng hệ thống thư viện hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong Nhà trường.

3.8. Chiến lược phát triển cơ sở vật chất

3.8.1. Các mục tiêu của chiến lược

Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ, chủ động đáp ứng được yêu cầu về phát triển đào tạo trình độ cao và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh xây dựng giảng đường, thư viện, phòng thực hành thực nghiệm hiện đại. Đưa vào sử dụng công trình nhà giảng đường đơn nguyên 2 - GK2 có diện tích sử dụng 3.250 m².

Thứ hai, đảm bảo các điều kiện về trang thiết bị, phương tiện dạy học theo yêu cầu chuẩn hoá và hiện đại hoá, đồng bộ, thuận lợi đáp ứng yêu cầu của các chương trình đào tạo; cung cấp thiết bị tin học, nối mạng internet phục vụ thiết thực đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập và NCKH.

Thứ ba, xây dựng thư viện điện tử kết hợp với thư viện truyền thống đạt tiêu chuẩn, hiện đại; hệ thống thư viện được kết nối với các trường Đại học, Trung tâm học liệu và cơ sở nghiên cứu uy tín trong và ngoài nước.

Thứ tư, ưu tiên đầu tư kinh phí từ các dự án giáo dục đại học và các dự án khác để tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập, NCKH cho Nhà trường.

Thứ năm, mở rộng xây dựng các công trình phụ trợ khác như: khu vui chơi, thể dục thể thao cho sinh viên, các công trình vườn hoa cây cảnh, bãi đỗ xe... nhằm tạo ra không gian xanh, đẹp, thân thiện cho sinh viên và đội ngũ cán bộ Nhà trường.

3.8.2. Các giải pháp của chiến lược

Quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất trong Trường, đẩy mạnh việc phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật nhằm tạo ra môi trường giảng dạy, nghiên cứu khoa học chuyên nghiệp, tiên tiến, hiện đại.

Xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản trong trung và dài hạn nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống giảng đường, phòng làm việc, phòng thực hành thực nghiệm trong Nhà trường.

Huy động các nguồn lực xã hội hoá vào đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất của Nhà trường nhằm phát huy và tập trung được nguồn lực cho phát triển.

3.9. Chiến lược phát triển nguồn lực tài chính

3.9.1. Các mục tiêu của chiến lược

Để tiến tới thực hiện tự chủ trong hoạt động, Nhà trường phấn đấu các chỉ tiêu về nguồn tài chính như sau:

Thứ nhất, giảm nguồn thu từ ngân sách Nhà nước cấp, tăng nguồn thu từ học phí, lệ phí; nguồn thu từ hoạt động khoa học công nghệ. Phấn đấu nguồn thu từ học phí, lệ phí, từ NCKH và chuyển giao công nghệ năm sau tăng hơn năm trước từ 2-4%;

Thứ hai, kinh phí thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ hàng năm đạt tối thiểu 1 tỷ đồng giai đoạn 2015-2020 và 3 tỷ đồng giai đoạn 2021-2030;

Thứ ba, phân đầu cơ cấu nguồn thu của Trường giảm dần nguồn Ngân sách Nhà nước cấp, tăng nguồn thu từ học phí, lệ phí và các nguồn thu khác;

Thứ tư, định hướng cơ cấu chi của Trường theo tỷ lệ như sau: Chi cho con người: 50% ; Chi Nghiệp vụ chuyên môn: 25% ; Chi đầu tư cơ sở vật chất: 20%; Chi khác: 5% .

3.9.2. Các giải pháp của chiến lược

- Tạo nguồn tài chính thông qua hoạt động đào tạo, NCKH và CGCN;
- Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính trong Trường và theo đúng quy định;
- Thực hiện thu đúng, thu đủ và tiết kiệm chi cho Nhà trường;
- Rà soát các khoản chi, sử dụng cơ sở vật chất theo hướng có hiệu quả, tiết kiệm;
- Đa dạng hoá các nguồn thu từ việc tăng cường các hoạt động dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, từ thực hiện các dự án nghiên cứu, các chương trình đào tạo với các ngành, các địa phương, từ hoạt động đào tạo cho sinh viên người nước ngoài.

3.10. Chiến lược phát triển công tác đảm bảo chất lượng giáo dục

3.10.1. Các mục tiêu của chiến lược

Đảm bảo chất lượng là chỉ tiêu quan trọng nhằm góp phần phân loại trường đại học. Đến năm 2030, Nhà trường phấn đấu có 100% chương trình đào tạo có sinh viên tốt nghiệp được tự đánh giá và đánh giá ngoài theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục - Đào tạo; 10 chương trình đào tạo được tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn của Hiệp hội các trường Đại học Đông Nam Á (AUN), trong đó có ít nhất 05 chương trình đào tạo được đánh giá ngoài. Hoàn thành kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo lần 2 và 3.

3.10.2. Các giải pháp của chiến lược

- Gắn liền hoạt động Đảm bảo chất lượng giáo dục với hoạt động quản lý của Nhà trường, từng bước thực hiện quản lý Nhà trường theo Bộ tiêu chuẩn chất lượng ISO 9000.

- Đẩy mạnh vận hành công tác Đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường theo mô hình hai cấp: cấp trường và cấp đơn vị trực thuộc;

- Định kỳ rà soát công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, xây dựng và bổ sung minh chứng cho các hoạt động của Nhà trường gắn với bộ tiêu chí Đảm bảo chất lượng giáo dục;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, từng bước xây dựng văn hoá Đảm bảo chất lượng trong Nhà trường;

- Xây dựng hệ thống quản lý Nhà trường áp dụng theo Bộ tiêu chuẩn chất lượng ISO 9000, lấy đó làm cơ sở cho việc thực hiện mô hình quản lý khoa học, chất lượng và hiệu quả;

- Định kỳ rà soát, tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo của Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

3.11. Chiến lược về người học

3.11.1. Các mục tiêu của chiến lược

Với mục tiêu xây dựng môi trường đào tạo thân thiện, lấy người học làm trung tâm, chú trọng đến chất lượng đào tạo, Nhà trường cần nâng cao vai trò của người học, đặt người học trong vai trò của “khách hàng” để từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ của Nhà trường, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội. Mục tiêu chiến lược về người học được cụ thể như sau:

- Nâng cao ý thức chính trị, xã hội cho người học thông qua các hoạt động giáo dục Chính trị - Tư tưởng, hoạt động tình nguyện, xã hội;

- Phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo, năng động trong các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, các hoạt động phong trào và hoạt động tự đào tạo của người học;

- Nâng cao tinh thần khởi nghiệp cho người học, lấy đó làm động lực thúc đẩy tinh thần học tập, nghiên cứu khoa học và lập nghiệp của sinh viên;
- Tạo môi trường đào tạo chuyên nghiệp thông qua hoạt động của các câu lạc bộ chuyên môn của sinh viên;
- Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người học như các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao... nhằm hỗ trợ cho các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học.

3.11.2. Các giải pháp của chiến lược

- Tổ chức các phong trào thi đua học tập chuyên môn, tin học, ngoại ngữ trong sinh viên toàn trường;
- Phát huy vai trò của các câu lạc bộ học tập, chuyên môn trong trường, lấy đó làm sân chơi bổ ích, lành mạnh, giúp cho người học gắn lý thuyết vào thực tiễn;
- Tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề và mời các chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý... đến chia sẻ kinh nghiệm cho người học;
- Tiếp tục tổ chức hiệu quả các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, khởi nghiệp, đặc biệt tổ chức các chương trình giao lưu, trao đổi với các Quỹ khởi nghiệp và Câu lạc bộ Doanh nhân để khơi dậy đam mê, tinh thần khởi nghiệp của người học;
- Đẩy mạnh triển khai các phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên, tổ chức các sân chơi nghiên cứu khoa học do người học tự chủ động thực hiện; gắn nghiên cứu khoa học của sinh viên với nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhất là giảng viên trẻ.

PHẦN IV
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG	THỜI GIAN (Bắt đầu, kết thúc)	TRÁCH NHIỆM	CHỈ TIÊU THỰC HIỆN	SẢN PHẨM	TÀI CHÍNH
4.1. Kế hoạch phát triển đào tạo					
<i>4.1.1. Phát triển công tác đào tạo hướng đến chất lượng và phục vụ nhu cầu thị trường lao động</i>	2016-2020	BGH, Phòng ĐT và các khoa chuyên môn	- Ổn định quy mô tuyển sinh đào tạo đại học hệ chính quy, tăng quy mô đào tạo sau đại học. Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm như sau: + Tuyển sinh đại học hàng năm 1500 SV + Tuyển sinh đào tạo cao học năm 400-500 HV; + Tuyển sinh nghiên cứu sinh: 20-30 NCS - Trong giai đoạn 2016 – 2020: + Mở thêm 1-2 chương trình đào tạo thạc sĩ + Mở thêm 1 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ + Mỗi khoa chuyên môn xác định 01 chuyên ngành mũi nhọn để xây dựng thành chương trình đào tạo chất lượng cao. - Từ 2017-2020, mỗi năm tổ chức 01 Hội nghị với các nhà tuyển dụng để rà soát chương trình đào tạo, nội dung giảng dạy và phương pháp giảng dạy cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn	- Đề án tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh - Đề án mở ngành thạc sĩ, tiến sĩ được duyệt; - Đề án chương trình đào tạo chất lượng cao - Bản đề xuất chỉnh sửa chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy	Ngân sách thường xuyên
<i>4.1.2 Đẩy mạnh công</i>	2016-	BGH, Phòng	- Hàng năm tổ chức Hội nghị tư vấn hướng	- Số hội nghị được	Ngân

<i>tác hướng nghiệp cho người học</i>	2020	ĐT và các khoa chuyên môn	ng nghiệp cho học sinh các trường cấp 3 trong vùng tuyển sinh	tổ chức	sách thường xuyên
4.2 Kế hoạch phát triển Công tác NCKH và Chuyển giao công nghệ					
<i>4.2.1 Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong Nhà trường</i>	2016 - 2020	Ban Giám hiệu, Phòng KHCN-HTQT, Viện NCKTX, các khoa Phòng	- Trong giai đoạn 2016-2020 đẩy mạnh thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. - Mục tiêu hành động cụ thể: + Ít nhất 01 đề tài cấp Nhà nước + Ít nhất 7 đề tài cấp Bộ + Ít nhất 49 đề tài cấp ĐHTN + 750 đề tài cấp cơ sở - Khai thác được ít nhất 1 chương trình nghiên cứu khoa học có hợp tác quốc tế	Đề xuất nghiên cứu được duyệt và triển khai Chương trình NCKH hợp tác quốc tế	Ngân sách NCKH cấp Nhà nước
<i>4.2.2 Đẩy mạnh công tác công bố các công trình nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học</i>	2016-2020	KHCN&HTQT; Tạp chí KT&QTKD; các nhà khoa học	- Hàng năm công bố 150 bài báo khoa học trên tạp chí khoa học trong nước và 15 bài trên tạp chí khoa học nước ngoài.	Số bài báo được đăng tải	Ngân sách thường xuyên
<i>4.2.3 Đẩy mạnh công tác chuyển giao khoa học công nghệ</i>	2016-2020	Phòng KHCN-HTQT; Viện NCKTX, các nhà KH	- Tích cực triển khai các chương trình chuyển giao khoa học công nghệ cho các tỉnh, các tổ chức có nhu cầu. Kinh phí chuyển giao công nghệ đạt 1 tỷ đồng/năm.	Công trình chuyển giao	Kinh phí chuyển giao công nghệ
4.3. Kế hoạch phát triển Hợp tác quốc tế					

4.3.1 <i>Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, duy trì hợp tác với các đối tác truyền thống, tìm kiếm các đối tác mới</i>	2016-2020	BGH, Phòng KHCN-HTQT, TTHTQT về ĐT&DH	- Duy trì và đưa vào hợp tác thực chất đối với các đối tác truyền thống của Nhà trường; mở rộng các chương trình hợp tác đã có. - Khai thác các chương trình hợp tác mới, ưu tiên hợp tác với các đối tác đến từ các nước có nền giáo dục tiên tiến. - Đến năm 2030 có ít nhất 8 dự án nghiên cứu với đối tác nước ngoài.	Báo cáo của phòng KHCN-HTQT và các đơn vị có liên quan Số dự án nghiên cứu	Ngân sách thường xuyên
4.3.2 <i>Tìm kiếm các đối tác để tổ chức các Hội nghị, Hội thảo khoa học quốc tế</i>	2016-2020	BGH, Phòng KHCN-HTQT, TTHTQT về ĐT&DH	- Hàng năm tổ chức được 2-4 Hội thảo khoa học quốc tế	Kỷ yếu Hội thảo và báo cáo của Phòng KHCN-HTQT và các đơn vị có liên qua	Ngân sách thường xuyên và ngân sách tài trợ
3.3.3. <i>Đẩy mạnh nhập khẩu các chương trình tiên tiến của thế giới</i>	2016-2020	BGH; Phòng Đào tạo; Phòng KHCN&HTQT	Trong giai đoạn 2016-2020 nhập khẩu được ít nhất 1 chương trình tiên tiến; đến năm 2030 nhập khẩu ít nhất 3 chương trình tiên tiến	Số chương trình nhập khẩu; chương trình liên kết	Ngân sách thường xuyên
4.4. Kế hoạch phát triển đội ngũ					
<i>Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên</i>	2016-2020	BGH; Phòng HC-TC; các đơn vị trong trường	- Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên; nâng cao tỷ lệ cán bộ giảng viên có trình độ tiến sĩ; giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư. - Mục tiêu đến năm 2020, giảng viên có trình	Báo cáo của phòng HC-TC	Ngân sách thường xuyên

			độ tiến sĩ chiếm 35%/ tổng số giảng viên. - Giảng viên có học hàm giáo sư, phó giáo sư chiếm 5%. - Đẩy mạnh cử giảng viên đi học thạc sĩ, tiến sĩ. Mục tiêu giảng viên tốt nghiệp tiến sĩ bình quân hàng năm đạt 25 giảng viên. - Đến năm 2020 100% giảng viên đạt chuẩn về tin học và ngoại ngữ - Tỷ lệ sinh viên/ giảng viên đạt 19-20 sinh viên/ giảng viên - Thực hiện tốt việc rà soát đề án vị trí việc làm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong việc sử dụng nguồn nhân lực của nhà trường		
5. Kế hoạch phát triển cơ sở vật chất					
<i>Tích cực giải phóng mặt bằng, tập trung đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, đáp ứng yêu cầu về đào tạo và nghiên cứu khoa học</i>	2016-2020	BGH; Phòng QT-PV	- Tích cực tham gia công tác giải phóng mặt bằng của Đại học Thái Nguyên nhằm nhanh chóng bố trí được cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Mục tiêu đến năm 2020 đưa diện tích được giải phóng mặt bằng lên 7,58ha. - Xây dựng 01 giảng đường 5 tầng - Đầu tư xây dựng các phòng máy tính, phòng thực hành có ứng dụng công nghệ cao	- Diện tích đất giải phóng; - Các công trình được xây dựng	Ngân sách thường xuyên
5. Kế hoạch phát triển tài chính					

<i>Tăng nguồn thu của Nhà trường theo hướng giảm dần ngân sách Nhà nước cấp; tăng các nguồn thu từ học phí, lệ phí và nguồn thu khác</i>	2016-2020	BGH; Phòng KH-TC; các khoa, các đơn vị tự chủ trong Nhà trường	Mục tiêu cơ cấu nguồn thu của Nhà trường đến năm 2020 như sau: + Nguồn thu từ ngân sách NN chiếm 10% + Nguồn thu từ học phí, lệ phí chiếm 80% + Nguồn thu khác chiếm 10% - Nguồn thu từ học phí, lệ phí, từ NCKH và chuyển giao công nghệ năm sau tăng hơn năm trước từ 2-4%. - Kinh phí thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ hàng năm đạt tối thiểu 1 tỷ đồng trong giai đoạn 2016-2020. - Tăng chi cho các hoạt động chuyên môn, chi đầu tư cơ sở vật chất: Chi con người 50%; chi nghiệp vụ chuyên môn 25%; chi đầu tư cơ sở vật chất 20%; chi khác 5%. - Hàng năm điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường; - Xây dựng quy trình kế toán, hạch toán làm công cụ để quản lý tài chính tiết kiệm, hiệu quả; - Làm tốt công tác kế hoạch tài chính làm cơ sở cho các hoạt động của Nhà trường	Báo cáo của phòng KH-TC	Ngân sách thường xuyên
6. Kế hoạch phát triển công tác đảm bảo chất lượng giáo dục					

<i>Nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng đào tạo của Nhà trường</i>	2016-2020	BGH; Phòng KT&ĐBCLGD; các đơn vị trong trường	- Đánh giá chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo của Bộ GD&ĐT. - Mục tiêu đến năm 2020 có ít nhất 5 chương trình đào tạo được đánh giá ngoài. - Năm 2017 tham gia kiểm định đối với cơ sở đào tạo; trong giai đoạn 2016-2020 tham gia 2 lần kiểm định ngoài đối với cơ sở đào tạo. - Đánh giá chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn của Hiệp hội các trường Đại học Đông Nam Á (AUN). Đến năm 2020 có 1 chương trình đào tạo được đánh giá. - Hàng năm đánh giá chương trình đầu ra (đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp)	Báo cáo của phòng KT&ĐBCLGD	Ngân sách thường xuyên
7. Kế hoạch phát triển người học					
<i>Lấy người học làm trung tâm, nâng cao chất lượng người học cả về chuyên môn, tin học, ngoại ngữ và kỹ năng. Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp cho người học</i>	2016-2020	Phòng CT HSSV; Trung tâm tư vấn sinh viên; Đoàn thanh niên	- Thường xuyên tổ chức các phong trào thi đua học tập chuyên môn, tin học, ngoại ngữ trong sinh viên toàn trường; - Phát huy vai trò của các câu lạc bộ học tập, chuyên môn trong trường, lấy đó làm sân chơi bổ ích, lành mạnh, giúp cho người học gắn lý thuyết vào thực tiễn; - Hàng năm tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề và mời các chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý... đến chia sẻ kinh	Báo cáo tổng kết về các chương trình hoạt động	Ngân sách thường xuyên; kinh phí tài trợ

			nghiệm cho người học; - Hàng năm tổ chức hiệu quả các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, khởi nghiệp, đặc biệt tổ chức các chương trình giao lưu, trao đổi với các Quỹ khởi nghiệp và Câu lạc bộ Doanh nhân để khơi dậy đam mê, tinh thần khởi nghiệp của người học; - Đẩy mạnh triển khai các phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên, tổ chức các sân chơi nghiên cứu khoa học do người học tự chủ động thực hiện; gắn nghiên cứu khoa học của sinh viên với nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhất là giảng viên trẻ.		
--	--	--	--	--	--

PHẦN V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Kinh tế & Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được thực hiện thông qua các kế hoạch chiến lược 5 năm và được cụ thể hoá thành các kế hoạch, nhiệm vụ năm học của Nhà trường, được phổ biến rộng rãi đến từng đơn vị trong trường, được công khai trên website của Nhà trường.

Căn cứ vào chiến lược, các đơn vị quản lý Phòng, Khoa, Trung tâm của Nhà trường xây dựng thành kế hoạch hành động cụ thể đến năm 2020 của đơn vị mình nhằm thực hiện thành công kế hoạch chiến lược này.

Định kỳ 2 năm một lần Nhà trường sẽ tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược, kế hoạch hành động theo các mảng công việc chuyên môn. Trên cơ sở đó xác định, điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu của Nhà trường trong giai đoạn tiếp theo cho phù hợp.

Đến năm 2020 sẽ tổ chức đánh giá toàn diện Kế hoạch chiến lược này của Nhà trường, làm căn cứ cho việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch chiến lược giai đoạn tiếp theo./.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Quang huy

PHỤ LỤC

PHẦN I

Phụ lục 1.1. Kết quả tuyển sinh và quy mô đào tạo giai đoạn 2011 - 2015

Đơn vị tính: HSSV

STT	Nội dung	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Trung bình
1.	Tuyển sinh						
	- Tổng số tuyển mới						
	Trong đó: ĐH:						
	+ Chính quy	1848	1301	1444	1167	880	1328
	+ Liên kết ĐTQT	24	25	38	107	71	
	+ Phi chính quy						
	Vừa làm vừa học	312	122	458	150	209	250
	Liên thông	1025	716	601	301	583	645
	Văn bằng 2	379	216	187	100	96	196
	SDH						
	+ Cao học trong nước	279	508	477	362	320	377
	+ Cao học Liên kết ĐTQT	180	181	0	46	0	0
	+ Tiên sỹ trong nước	0	8	2	14	7	6
	+ Tiên sỹ Liên kết ĐTQT	0	40	0	0	10	5
2.	Quy mô đào tạo						
	- Tổng số HSSV						
	+ Chính quy	5059	5443	5806	5406	4420	5227
	Trong đó: Liên kết ĐTQT	222	245	279	179	154	216
	+ Phi chính quy						
	Vừa làm vừa học	3627	2359	1809	1927	1333	2211
	Liên thông	2764	1623	1696	1584	1549	1843
	Văn bằng 2	893	588	387	333	497	540
	+ Cao học	659	832	1026	983	886	877
	Trong đó: Liên kết ĐTQT	102	283	240	172	162	192
	+ Tiên sỹ	15	23	23	36	38	27
	Trong đó: Liên kết ĐTQT	0	30	24	24	32	22

Phụ lục 1.2. Kết quả phát triển ngành đào tạo giai đoạn 2011 – 2015

Nội dung	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Đến năm 2015
Tổng số ngành đào tạo					
+ Đại học	4	6	7	7	7
<i>Trong đó: Liên kết ĐTQT</i>	4	4	3	3	2
+ Cao học	3	3	3	3	3
<i>Trong đó: Liên kết ĐTQT</i>	2	2	2	2	2
+ Tiến sỹ	1	1	1	2	2
<i>Trong đó: Liên kết ĐTQT</i>	0	2	2	2	2

Phụ lục 1.3. Kết quả công tác nghiên cứu khoa học giai đoạn 2011 - 2015

S TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng
1.	Tổng số đề tài NCKH	ĐT						
	- Cấp Nhà nước	ĐT	0	0	0	1	0	1
	- Cấp Bộ trọng điểm	ĐT	0	0	1	2	0	3
	- Cấp Đại học	ĐT	3	5	4	14	15	41
	- Cấp trường	ĐT	20	31	50	30	100	231
	- Đề tài của HSSV	ĐT	8	19	21	28	73	149
	- Đề tài HTQT	ĐT	0	0	0	3	2	5
2.	Tổng kinh phí cho hoạt động KHCN	Tr.đ	810,5	648,79	1235,94	1450,195	1896,6035	6042,0285
	Kinh phí NCKH	Tr.đ	350,5	405	561	741	1546,6035	3604,1035
	Hoạt động chuyên giao KHCN	Tr.đ	460	243,79	674,94	709,195	350	2437,925

Phụ lục 1.4. Kết quả công tác hợp tác quốc tế giai đoạn 2011 - 2015

S TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Tổng số tổ chức quốc tế và chính phủ có QHHT	Đơn vị	18	20	20	26	35
2	Đoàn ra	Lượt	11	12	15	13	17
3	Đoàn vào	Lượt	21	26	26	27	20
4	Cử đi đào tạo ở nước ngoài	Người	7	7	8	7	11
	+ Tiến sĩ	Người	1	6	5	2	4
	+ Thạc sĩ	Người	6	1	3	5	7
	+ Cử nhân, kỹ sư	Người	0	0	0	0	0
	+ Thực tập sinh tại nước ngoài	Người	0	0	0	0	0
5	Tổng số lượt người đi thăm quan, tập huấn tại nước ngoài	Người	1	11	2	5	3
6	Chương trình liên kết đào tạo tại Việt Nam						
	- Số chương trình LKĐTQT	CT	6	8	7	7	6
	- Số HSSV	HSSV	324	558	505	268	227
7	Chương trình tiên tiến (Khoa học và QL môi trường)						
	- Số CT	CT					
	- Số HSSV	HSSV					

Phụ lục 1.5. Hiện trạng phát triển đội ngũ năm 2015

Đơn vị tính: Người

Nội dung	Tổng số	GS		PGS		Tiến sĩ		Thạc sĩ		Đại học	Cao đẳng, khác
		SL	% / CBGD	SL	% / CBGD	SL	% / CBGD	SL	% / CBGD		
Tổng số CBVC	502	1	0,28	7	1,97	26	7,32	273	76,90	165	30
- CB giảng dạy	355	1	0,28	7	1,97	26	7,32	243	68,45	78	0
- CB PVGD	147	0	0	0	0	0	0	30	8,4	87	30

Phụ lục 1.6. Số lượng CBVC đi đào tạo nâng cao trình độ trong và ngoài nước giai đoạn 2011 - 2015

Năm	Thạc sĩ		Tiến sĩ	
	Số lượng	%	Số lượng	%
2011	25	7,51	4	1,2
2012	33	8,68	23	6,05
2013	37	8,45	26	5,94
2014	62	12,65	28	5,71
2015	23	4,58	16	3,19

Phụ lục 1.7. Hiện trạng xây dựng cơ sở vật chất năm 2015

TT	Nội dung	Diện tích (m2)	Số phòng (phòng)	Ghi chú
I	Tổng diện tích đất	214.700		
1	Trong đó: Đất đã giải phóng mặt bằng	45.851		
2	Đất chưa giải phóng mặt bằng	168.849		
II	Tổng diện tích xây dựng	27.776		
1	Giảng đường, hội trường liền kề	10.548	42	
2	Phòng máy tính, học ngoại ngữ	401	5	
3	Thư viện	343	4	
4	Ký túc xá	9.308	180	
5	Phòng thực hành, thực nghiệm	-	0	
6	Hội trường	200	2	
7	Nhà làm việc của CBCC	5.220	60	
8	Nhà TĐTT	-	0	
9	Trạm y tế	120	3	
10	Bãi đỗ xe	1.980		
11	Công trình khác	96		
III	Sân thể thao	1.478		
IV	Sân chơi, vườn hoa, cây cảnh	9.200		

PHỤ LỤC PHẦN II

Phụ lục 2.1. Kết quả tuyển sinh và quy mô đào tạo giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn 2030

Đơn vị tính: HSSV

TT	Bậc học/loại hình đào tạo	Hiện trạng 2015		Tuyển sinh		Quy mô đào tạo	
		Tuyển sinh	Quy mô	2016 - 2020	2020 - 2030	Đến 2020	Đến 2030
A	Tiến sĩ						
1	Chính quy	07	38	57	67	50	60
2	Liên kết đào tạo quốc tế	10	32	40	150	30	60
B	Cao học						
1	Chính quy	320	886	1500	5000	800	1500
2	Liên kết đào tạo quốc tế	0	114	100	200	50	70
C	Đại học						
1	Chính quy	890	5082	7000	15000	6000	8000
2	Vừa làm vừa học	382	1450	2000	3000	1500	1000
3	Liên thông, VBII CQ	517	1151	2500	3000	2000	1000
4	Liên kết đào tạo quốc tế	0	36	75	150	100	150
5	Đào tạo ngắn hạn LHS	72	72	200	400	100	130
	TỔNG SỐ						

Phụ lục 2.2. Đánh giá chương trình đào tạo, đầu ra

STT	Hình thức	Số lượng chương trình theo các năm					Dự kiến 2030
		2016	2017	2018	2019	2020	
1	Đánh giá chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn của ĐHTN	3	0	0	0	0	0
2	Đánh giá chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo của Bộ GD&ĐT	0	6	6	4	10	100%
3	Đánh giá chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn của Hiệp hội các trường Đại học Đông Nam Á (AUN)	0	0	0	0	1	5
4	Đánh giá đầu ra (hiện trạng sinh viên tốt nghiệp)	6	6	6	6	6	100%

**Phụ lục 2.3. Kế hoạch phát triển NCKH và chuyển giao KH-CN giai đoạn
2016 - 2020 và tầm nhìn 2030**

TT	Nội dung	Hiện trạng năm 2015	Kế hoạch 2016 - 2020	Đến năm 2030
I	Nghiên cứu khoa học			
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	1	3
2	Đề tài cấp Bộ	2	7	15
	Đề tài NCKH cấp cơ sở			
3	+ Cấp ĐHTN	9	25	75
	+ Cấp trường	58	60	210
4	Chương trình, đề tài hợp tác quốc tế (CT)	0	2	6
	Tổng số bài báo khoa học			
5	+ Đăng trên tạp chí KH trong nước (bài)	131	750	2200
	+ Đăng trên tạp chí KH quốc tế (bài)	12	70	220
II	Chuyển giao KH-CN			
1	Sản phẩm khoa học mang thương hiệu trường (sản phẩm)	0	1	3
2	Tổng kinh phí NCKH (tỷ đồng)	1,266	6,5	24,0

Phụ lục 2.4. Kế hoạch phát triển hợp tác quốc tế giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn 2030

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Giai đoạn 2016 - 2020	Đến năm 2030
Tổng số tổ chức quốc tế và chính phủ có QHHT	TC	40	45	50	55	60	80	100
Đoàn ra	Lượt người	47	50	50	60	70	277	700
Đoàn vào	Lượt người	122	130	130	150	150	422	1900
Hội thảo/tập huấn/hội nghị quốc tế	Hội thảo/hội nghị	2	2	2	3	3	12	30
Chương trình liên kết đào tạo quốc tế	CT	6	4	4	4	4	4	6
Nhập khẩu chương trình tiên tiến	CT	0	0	0	1	1	2	2
	SV	0	0	0	30	50	80	400
Chương trình hợp tác trong đào tạo	CT	3	4	4	5	5	5	7
	SV	68	50	50	60	70	300	700
	GV	0	5	6	6	7	7	8

Phụ lục 2.5. Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ

TT	Loại hình/trình độ cán bộ	Hiện trạng năm 2015	Dự kiến năm 2020	Dự kiến đến năm 2030	Ghi chú
1	Tổng số CBVC	502	454	559	
	- Cán bộ giảng dạy (CBGD)	355	341	420	
	- Cán bộ phục vụ GD (CBGD)	147	114	140	
	- Tỷ lệ CBGD/CBVC (%)	0,71	0,75	0,75	
2	Cán bộ giảng dạy	355	341	420	
	- GS. PGS	8	16	38	
	- Tỷ lệ GS. PGS/CBGD (%)	2,25	4,7	9,0	
	- Tiến sĩ trở lên	34	61	139	
	- Tỷ lệ TS trở lên/CBGD (%)	9,6	18	33,0	
	- Ths	243	230	243	
	- Cử nhân/kỹ sư	78	34	0	
3	Cán bộ phục vụ giảng dạy	147	114	140	
	- TS	0	0	0	
	- Ths	30	50	70	
	- Cử nhân/kỹ sư	87	44	50	
	- Trình độ khác	30	20	20	

Phụ lục 2.6. Kế hoạch phát triển cơ sở vật chất

TT	Chỉ tiêu	Hiện trạng năm 2015		Dự kiến năm 2020		Dự kiến đến năm 2030	
		DT (m2)	Phòng	DT (m2)	Phòng	DT (m2)	Phòng
I	Tổng diện tích đất	214.700	-	214.700	-	214.700	-
1	Trong đó: Đất đã GPMB	45.851	-	75.851	-	108.079	-
2	Đất chưa giải phóng mặt bằng	168.849	-	138.849	-	106.621	-
II	Tổng diện tích xây dựng	27.776	-	45.984	-	64.731	-
1	Giảng đường, HT liên kết	10.548	42	12.752	68	14.584	94
2	Phòng máy tính, học ngoại ngữ	401	5	921	13	1377	18
3	Thư viện	343	4	647	8	1179	15
4	Ký túc xá	9308	180	9308	180	12308	225
5	Phòng thực hành, thực nghiệm	-	0	380	5	608	8
6	Hội trường	200	2	200	1	200	1
7	Nhà làm việc của CBCC	5.220	60	5020	60	7879	82
8	Nhà TĐTT	-	0	-	0	1000	1
9	Trạm y tế	120	0	120	3	200	5
10	Bãi đỗ xe	1.980	-	1980	-	2930	-
11	Công trình khác	96	-	256	-	486	-
III	Sân thể thao	1478	-	2500	-	4500	-
IV	Sân chơi, vườn hoa, cây cảnh	9200	-	11900	-	17480	-

